

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
Bản án số: 34 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 06/06/2025
"V/v Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên.

Hội thẩm nhân dân:

[1] Bà Trần Thị Chín;

[2] Bà Nguyễn Thị Thu Hương;

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 06 tháng 06 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 48/TLST – HNGĐ, ngày 13 tháng 03 năm 2025, về việc " Ly hôn", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 05 tháng 05 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Thị H; sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã N , huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Điều Th; sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2025 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Thị H trình bày:

1/Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Điều Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, số đăng ký 05/2018, ngày 08/02/2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mỗi người có tính cách khác nhau, chúng tôi không thể hòa hợp với nhau, mâu thuẫn gia đình xảy ra thường xuyên và kéo dài đến nay, hiện đang sống ly thân. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

2/Về con chung: Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/06/2020, nguyện vọng chị Thị H nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

3/Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

4/Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Bị đơn anh Điều Th mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

- [1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.
- [2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Thị H có đăng ký kết hôn với anh Điều Th, nay chị Hà xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào Điểm a, khoản 1, Điều 35, Điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- [3]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng, chị Thị H và anh Điều Th tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Thị H và anh Điều Th là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Thị H và anh Điều Th đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, các bên không còn quan tâm đến nhau nữa, anh Điều Th mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình. Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Thị H được ly hôn với anh Điều Th.

- [4]. Về con chung: Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/06/2020, nguyện vọng chị Thị H nuôi con, anh Điều Th vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình, vì vậy cần giao cháu cho chị Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

- [5]. Về cấp dưỡng, chị Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

- [6]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- [7]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- [8]. Về án phí: Chị Thị H nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- [1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Thị H được ly hôn với anh Điều Th.

- [2]. Về con chung, giao cháu Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/06/2020 cho chị Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Thị H nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009658 ngày 13/03/2025 (đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên